TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG
_____

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
_____

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 30/11/2023
V/v "Tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các thẩm phán: Ông Vũ Thanh Tuấn

Ông Nguyễn Văn Sơn.

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2023/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp về nuôi con".*

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2023/HNGĐ - ST ngày 13 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Gia Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXX-PT ngày 31/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐ-PT ngày 27/11/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà* N:

+ Bà Nguyễn Thị Minh Y, Luật sư - Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thu H1, Luật sư - Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H2, Luật sư - Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị N (Bị đơn). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị H *trình bày*:

Chị và anh Phạm Đình K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 18/09/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bà N. Ngày 07/11/2015, vợ chồng sinh cháu Phạm Thị Trà M. Ngày 30/8/2016, anh K bị tai nạn chết. Sau khi anh K được 100 ngày, chị đưa cháu M về nhà bố mẹ đẻ tại xã Y sinh sống. Sau đó bà N đến đưa cháu M về sống cùng, chị không đồng ý. Năm 2018 chị đi nước ngoài, cháu M ở với bố mẹ đẻ chị tại xã Y. Bà N lên đón cháu M, ban đầu bố mẹ chị không đồng ý, sau đó bà N đón cháu M về và cho cháu đi học mẫu giáo từ lúc 02 tuổi đến nay. Khi về nước chị đến đón cháu M, bà N không cho đón. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu M.

Tại biên bản hoà giải và tại phiên toà sơ thẩm bà N *trình bày*:

Con trai bà là anh Phạm Đình K và chị Phạm Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 18/09/2014 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn anh K và chị H chung sống cùng với bà. Anh K và chị H sinh được một cháu là Phạm Thị Trà M, sinh ngày 07/11/2015. Ngày 30/8/2016, anh K bị tai nạn chết. Sau khi anh K được 100 ngày, chị H đưa cháu M về nhà bố mẹ đẻ tại xã Y sinh sống, chị H nói dối bà là đưa cháu về nhà chơi nhưng ở luôn trên đó. Sau đó quay lại nhà bà và mâu thuẫn với bà, bà N bảo là đưa cháu về nhưng chị H không đưa. Sau khi đưa cháu M về ở với ông bà ngoại được 01 năm khoảng cuối năm 2018, chị H đi nước ngoài. Bà N lên đón cháu M, ban đầu bố mẹ chị H không cho đón, sau đó bà đưa cháu về cho đi học lớp mẫu giáo 02 tuổi (được hơn 2 tuổi). Bà chăm sóc cháu M từ năm 2018 đến nay mẹ cháu không ý kiến gì, chỉ cuối năm bố chị H mang cho sữa và cho mấy triệu đồng đóng học và mua quần áo.

Hiện nay, một mình bà đang ở nhà cấp 04 và nuôi cháu M, bà làm vệ sinh môi trường của thôn mỗi tháng được 05 triệu đồng, có tiền gửi tiết kiệm hơn 100.000.000đ tiền ruộng. Ngoài ra không ở cùng với ai vì bà sinh được một mình

bố cháu M. Nay chị H đề nghị thay đổi người người trực tiếp nuôi cháu M và nhận nuôi cháu M, bà không đồng ý. Bà xin nhận nuôi cháu M và đề nghị chị H cấp dưỡng tiền nuôi cháu M mỗi tháng 1,5 triệu đồng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ khi Tòa án xét xử đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà cam kết có đủ điều kiện để nuôi cháu M đến khi trưởng thành.

UBND xã T*, Hội phụ nữ* xã T *cung cấp*: Hiện tại cháu M đang ở với bà N, bà đang làm công việc vệ sinh của thôn và chăm sóc cho cháu M, địa phương đề nghị Toà án hoà giải nếu không hoà giải được thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Văn T*, bà* Nguyễn Thị L *(bố mẹ đẻ chị* H*) cung cấp*: Sau khi anh K chết, chị H ở tại nhà bà N và nuôi dạy cháu Phạm Thị Trà M, sinh ngày 07/11/2015. Bà N hay uống rượu say, một đêm bà say quá nên chị H đã gọi chị gái bà N đến giải quyết, chị H đã đưa cháu M về gia đình ông bà chăm sóc, cho ăn học đến khi được gần 4 tuổi thì chị H đi lao động nước ngoài để mong phát triển kinh tế sau này về no cho cháu M tốt hơn. Chị H đi được 01 ngày thì bà N tự lên nhà ông bà bế cháu M về, do trước khi đi nước ngoài chị H đã làm giấy uỷ quyền cho vợ chồng ông nuôi dưỡng cháu M nên ông bà đã gửi đơn đến UBND xã T và được UBND xã T tổ chức hoà giải, tại UBND xã bà N đã làm văn bản và hứa sau này chị H về bà N sẽ trả lại cháu M cho chị H nuôi dưỡng. Ông T, bà L đề nghị Toà án giao cháu M cho chị H nuôi dưỡng, ông bà cam kết sẽ tạo điều kiện tốt nhất hỗ trợ chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2023/HNGĐ-ST ngày 13/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương căn cứ vào Điều 69, 72, 73, 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Giao cháu Phạm Thị Trà M, sinh ngày 07/11/2015, hiện đang ở với bà N cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 19/8/2023 bà Phạm Thị N kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, giao cho bà tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Thị Trà M.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp không chính xác; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm phán phải trả lại đơn khởi kiện do vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đề nghị xem xét về việc cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và sơ sài.

Xem xét về việc chị H vi phạm nghĩa vụ chăm sóc cháu Phạm Thị Trà M.

Việc bà N chăm sóc cháu Trà M là trên cơ sở chị H đồng ý bằng văn bản. Bà N đón cháu Trà M về chăm sóc, nuôi dưỡng là hoạt động chăm sóc, thay thế.

Xem xét đảm bảo tốt nhất quyền lợi của bà N vì bà N mất chồng, mất con, trong khi cháu Trà M có đơn xin ở với bà nội.

- Chị Phạm Thị H vắng mặt và có quan điểm không nhất trí nội dung kháng cáo của bà N, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyền làm mẹ, quyền được chăm sóc con của chị và quyền của cháu Phạm Thị Trà M được mẹ chăm sóc, đồng thời đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị N.

- Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2023/HNGĐ-ST ngày 13/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, nghe ý kiến trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bà Phạm Thị N trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị Phạm Thị H vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyền được nuôi con của chị H đang bị xâm phạm, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền của Tòa án. Mặc dù đơn khởi kiện của chị H không tuân thủ hình thức theo quy định tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên nội dung đơn thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng đề nghị được nuôi con của chị H và chị đã nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, Tòa án đã thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, hòa giải, xác minh và giải quyết đúng trình tự thủ tục đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Do vậy, không có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung:

Cháu Phạm Thị Trà M, sinh ngày 07/11/2015 là con chung của anh Phạm Đình K và chị Phạm Thị H. Năm 2016 anh K chết, chị H vẫn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M và đưa cháu M về nhà bố mẹ đẻ ở để được hỗ trợ chăm sóc. Năm 2018, do kinh tế khó khăn chị H đi lao động ở nước ngoài để có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt hơn và vẫn gửi tiền qua bố đẻ để nuôi dưỡng cháu M. Trước khi đi lao động ở nước ngoài chị H đã uỷ quyền cho bố mẹ đẻ chị chăm sóc cháu M cho đến khi chị về nước, tuy nhiên bà N đón cháu M về nuôi dưỡng mà không được sự đồng ý của chị H. Khi về nước chị H đến đón cháu M về nuôi nhưng bà N ngăn cản, cấm đoán không cho chị đón con. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, cha mẹ có quyền được thương yêu con, chăm lo, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đồng thời có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Bên cạnh đó con cũng có quyền được cha mẹ thương yêu, được giáo dục, được phát triển lành mạnh, được thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định. Cháu M ngày càng lớn, bà N tuổi ngày càng cao, chị H đã về nước và có đủ điều kiện để chăm sóc, dạy dỗ, chỉ bảo cho cháu M học tập, uốn nắn cháu phát triển một cách lành mạnh. Hơn nữa cháu M đã mất đi tình thân của bố nên rất cần có sự chăm sóc, gần gũi từ người mẹ để bù đắp tình cảm cho cháu. Chị H cam đoan không ngăn cản tình thương yêu của bà N dành cho cháu M và chị tạo mọi điều kiện để bà N được gặp gỡ, chăm sóc cháu M. Chị H đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, không vi phạm nghĩa vụ chăm sóc con như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã trình bày. Cấp sơ thẩm giao cháu Phạm Thị Trà M cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định và đảm bảo quyền được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con của chị H.

Từ khi anh K chết chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trà M. Trước khi đi lao động ở nước ngoài chị H đã uỷ quyền cho bố mẹ đẻ chị chăm sóc cháu Trà M cho đến khi chị về nước, chị vẫn gửi tiền về cho bố mẹ đẻ để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trà M. Tuy nhiên, bà N đón cháu Trà M về nuôi dưỡng và cam kết khi mẹ cháu về sẽ để cháu Trà M về ở với mẹ. Nhưng khi chị H về nước đón con, bà N ngăn cản cấm đoán không cho chị đón con về. Cháu Trà M mặc dù mất cha nhưng vẫn còn có mẹ nên không thuộc trường hợp phải chăm sóc, thay thế. Chị H nuôi con và cam đoan không ngăn cản tình thương yêu của bà N dành cho cháu Trà M và chị tạo mọi điều kiện để bà N được gặp gỡ, chăm sóc cháu Trà M. Do vậy, quyền lợi được thăm nom, chăm sóc cháu Trà M của bà N vẫn được đảm bảo.

Tại cấp phúc thẩm, bà N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà N là có căn cứ. Do đó không có căn cứ chấp nhận quan điểm trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N và không chấp nhận kháng cáo của bà N.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà Phạm Thị N không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị N. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2023/HNGĐ-ST ngày 13/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương như sau:

Áp dụng Điều 69, 72, 73, 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Giao cháu Phạm Thị Trà M, sinh ngày 07/11/2015, hiện đang ở với bà N cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Trà M trưởng thành (đủ 18 tuổi).

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm

theo biên lai thu số AA/2022/0002173 ngày 06/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc. Bà N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường